

CHƯƠNG 4 – KHÍ QUYỂN

DẠNG 1:

Câu 1. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về tính chất của các khối khí?

- A. Khối khí cực rất lạnh. B. Khối khí chí tuyến rất nóng.
C. Khối khí xích đạo nóng ẩm. D. Khối khí ôn đới lạnh khô.

Câu 2. Thành phần nào chiếm tỉ trọng lớn nhất của khí quyển

- A. Ni-tơ B. Ô-xi C. CO₂ D. Hơi nước

Câu 3. Tầng khí quyển nào có vai trò quan trọng nhất đối với Trái Đất?

- A. tầng bình lưu. B. tầng đối lưu C. tầng giữa D. tầng nhiệt

Câu 4. Biên độ nhiệt năm lớn nhất ở

- A. xích đạo. B. chí tuyến. C. vòng cực. D. cực.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sự phân bố nhiệt độ theo vĩ độ địa lí?

- A. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ xích đạo về cực.
B. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất là ở chí tuyến.
C. Biên độ nhiệt năm tăng từ xích đạo về hai cực.
D. Biên độ nhiệt năm thấp nhất ở khu vực xích đạo.

Câu 6. Càng về vĩ độ cao

- A. nhiệt độ trung bình năm càng lớn. B. biên độ nhiệt độ của năm càng cao.
C. góc chiếu sáng của tia Mặt trời càng lớn. D. thời gian có sự chiếu sáng càng dài.

Câu 7. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

- A. bán cầu Tây. B. đại dương. C. lục địa. D. bán cầu

Đông.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây đúng về phân bố nhiệt độ trên bề mặt Trái Đất?

- A. Nhiệt độ bán cầu Tây cao hơn bán cầu Đông.
B. Biên độ nhiệt độ ở đại dương nhỏ hơn ở lục địa.
C. Nhiệt độ cao nhất và thấp nhất đều ở đại dương.
D. Biên độ lớn nhất và nhỏ nhất đều ở lục địa.

Câu 9. Càng vào sâu trong trung tâm lục địa

- A. nhiệt độ mùa hạ càng giảm. B. nhiệt độ mùa đông càng cao.
C. biên độ nhiệt càng lớn. D. góc tới Mặt Trời càng nhỏ.

Câu 10. Tính chất rất nóng (kí hiệu: T) là khối khí

- A. cực B. ôn đới. C. chí tuyến. D. xích đạo.

Câu 11. Đại dương có biên độ nhiệt nhỏ hơn lục địa vì

- A. đại dương là nơi chứa nước nên mát mẻ hơn lục địa.
B. bề mặt các lục địa gồ ghề nên nhận được nhiều nhiệt hơn đại dương.
C. Đất hấp thụ nhiệt nhanh nhưng tỏa nhiệt cũng nhanh hơn nước.
D. Độ cao trung bình của các lục địa lớn hơn độ cao trung bình của các đại dương

Câu 12. Khí áp là sức nén của

- A. không khí xuống bề mặt Trái Đất. B. luồng gió xuống bề mặt Trái Đất.
C. không khí xuống mặt nước biển. D. luồng gió xuống mặt nước biển.

Câu 13. Các vành đai nào sau đây là áp cao?

- A. Xích đạo, chí tuyến. B. Chí tuyến, ôn đới. C. Ôn đới, cực. D. Cực, chí tuyến.

Câu 14. Các vành đai nào sau đây là áp thấp?

- A. Xích đạo, chí tuyến. B. Chí tuyến, ôn đới. C. Ôn đới, xích đạo. D. Cực, chí

tuyến

Câu 15. Nhân tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến sự thay đổi của khí áp?

- A. Độ cao B. Nhiệt độ C. Độ ẩm. D. Hướng gió.

Câu 16. Khí áp tăng khi

- A. nhiệt độ giảm. B. nhiệt độ tăng. C. độ cao tăng. D. khô hạn giảm.

Câu 17. Loại gió nào sau đây **không** phải là gió thường xuyên?

- A. Gió Tây ôn đới. B. Gió Mậu dịch. C. Gió Đông cực. D. Gió mùa.

Câu 18. Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao

A. cận chí tuyến về ôn đới.

B. cực về ôn đới.

C. chí tuyến về xích đạo.

D. cực về xích đạo.

Câu 19. Gió Mậu dịch thổi từ áp cao

A. chí tuyến về ôn đới.

B. cực về ôn đới.

C. chí tuyến về xích đạo.

D. cực về xích đạo.

Câu 20. Loại gió nào sau đây có tính chất khô?

A. Gió Tây ôn đới.

B. Gió Mậu dịch.

C. Gió mùa.

D. Gió biển, đất.

Câu 21. Ở Bắc bán cầu, gió Mậu dịch thổi quanh năm theo hướng

A. đông bắc.

B. đông nam.

C. tây bắc.

D. tây nam.

Câu 22. Đặc điểm của gió mùa là

A. hướng gió thay đổi theo mùa.

B. tính chất không đổi theo mùa.

C. nhiệt độ các mùa giống nhau.

D. độ ẩm các mùa tương tự nhau.

Câu 23. Nguyên nhân hình thành gió mùa chủ yếu là do

A. sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa.

B. sự phân bố các vành đai áp xen kẽ và đối xứng nhau qua áp thấp xích đạo.

C. các lục địa và các đại dương có biên độ nhiệt độ năm khác nhau theo mùa.

D. hoạt động của gió kết hợp với độ cao, độ dốc và hướng sườn núi theo mùa.

Câu 24. Loại gió sau khi trút hết ẩm ở sườn núi bên này sang sườn núi bên kia trở nên khô và rất nóng là gió

A. đất.

B. biển.

C. phon.

D. mùa.

Câu 25. Càng lên cao khí áp càng giảm, nguyên nhân là do khi lên cao

A. lớp không khí càng mỏng nên sức nén giảm khiến khí áp giảm.

B. không khí càng khô nên nhẹ hơn khiến khí áp giảm.

C. gió thổi càng mạnh đẩy không khí lên khiến khí áp giảm.

D. không khí càng loãng sức nén càng nhỏ khiến khí áp giảm.

Câu 26. Gió Mậu Dịch có đặc điểm là

A. chủ yếu thổi vào mùa hạ, nóng ẩm, tốc độ gió và hướng gió thay đổi theo mùa

B. chủ yếu thổi vào mùa đông, lạnh, khô, tốc độ gió và hướng gió thay đổi theo mùa

C. thổi quanh năm, tốc độ và hướng gió gần như cố định, tính chất chung là ẩm ướt.

D. thổi quanh năm, tốc độ và hướng gió gần như cố định, tính chất chung là khô.

Câu 27. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa là

A. khí áp, frông, gió, địa hình, thổ nhưỡng.

B. khí áp, frông, gió, dòng biển, địa hình.

C. khí áp, frông, gió, địa hình, sông ngòi.

D. khí áp, frông, gió, dòng biển, sinh vật.

Câu 28. Nơi nào sau đây có nhiều mưa?

A. Khu vực khí áp thấp.

B. Khu vực khí áp cao.

C. Miền có gió Mậu dịch.

D. Miền có gió Đông cực.

Câu 29. Các khu vực khí áp thấp có nhiều mưa là do

A. luôn có gió từ trung tâm thổi đi.

B. luôn có gió quanh rìa thổi ra ngoài.

C. không khí ẩm được đẩy lên cao.

D. không khí ẩm không bốc lên được.

Câu 30. Khu vực áp cao chí tuyến thường có hoang mạc lớn là do

A. nóng.

B. lạnh.

C. khô.

D. ẩm.

Câu 31. Nơi nào sau đây có mưa ít?

A. Nơi có dòng biển lạnh đi qua.

B. Nơi có dòng biển nóng đi qua.

C. Nơi có frông hoạt động nhiều.

D. Nơi có giải hội tụ nhiệt đới.

Câu 32. Trên Trái Đất, mưa nhiều nhất ở vùng

A. xích đạo.

B. ôn đới.

C. chí tuyến.

D. cực.

Câu 33. Trên Trái Đất, mưa ít nhất ở vùng

A. xích đạo.

B. ôn đới.

C. chí tuyến.

D. cực.

Câu 34. Vùng chí tuyến có mưa tương đối ít, chủ yếu là do

A. các khu khí áp cao hoạt động quanh năm. B. các dòng biển lạnh ở cả hai bờ đại dương.

C. có gió thường xuyên và gió mùa thổi đến. D. có nhiều khu vực địa hình núi cao đồ sộ.

Câu 35. Ở địa hình núi cao, sườn đón gió là sườn có lượng mưa

A. nhiều.

B. ít mưa.

C. không mưa.

D. khô ráo.

DẠNG 2:

Câu 1. Đọc đoạn thông tin, chọn đúng hoặc sai trong mỗi ý a), b), c), d) sau đây:

Gió mùa là loại gió thổi theo mùa, hướng ngược nhau giữa lục địa và đại dương. Nguyên nhân chủ yếu là do sự nóng lên và lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa. Vào mùa đông, lục địa bị mất nhiệt nhanh hình thành các áp cao, gió thổi từ lục địa ra đại dương, có tính chất khô. Đến mùa hạ, lục địa bị đốt nóng nhiều hơn hình thành nên áp thấp, gió từ đại dương thổi vào lục địa, có tính chất ẩm.

(Nguồn: Sách giáo khoa Cánh Diều Địa lí 10)

- a) Gió mùa có hướng thổi ngược nhau giữa lục địa và đại dương theo mùa.
- b) Sự hình thành áp cao và áp thấp theo mùa ở lục địa và đại dương hình thành nên gió mùa.
- c) Gió mùa hoạt động ở tất cả các quốc gia nằm trong khu vực nội chí tuyến.
- d) Gió mùa mùa hạ có tính chất nóng ẩm, gây mưa nhiều cho các vùng gió thổi đến.

Câu 2. Dựa vào bảng số liệu, chọn đúng hoặc sai trong mỗi ý a), b), c), d) sau đây:

Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm ở các vĩ độ ở Bán cầu Bắc

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	60°	80°
Nhiệt độ TB năm	24,5	25,0	20,4	14,0	5,4	- 0,6	- 10,4	- 20,0
Biên độ nhiệt độ năm	1,8	7,4	13,3	17,7	23,8	29,0	32,2	31,0

(Nguồn: Sách giáo khoa Cánh Diều Địa lí 10)

- a) Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng giảm dần từ Xích đạo về 2 cực.
- b) Biên độ nhiệt độ năm giảm dần từ Xích đạo về 2 cực.
- c) Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở Xích đạo vì có góc nhập xạ lớn nhất.
- d) Do góc chiếu thay đổi theo vĩ độ nên nhiệt độ không khí cũng thay đổi theo vĩ độ.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Trên trái Đất, lượng mưa phân bố không đều, có nơi mưa nhiều, nơi mưa ít, có nơi thậm chí nhiều năm không có mưa. Đó là do nhiều nhân tố khác nhau ảnh hưởng đến lượng mưa từng khu vực.

- a) Khu vực mưa nhiều thường có áp thấp và dòng biển nóng đi qua.
- b) Khu vực mưa ít thường có hoạt động của gió mùa, vùng áp cao và nằm ven biển.
- c) Ở sườn đón gió biển lượng mưa nhiều hơn sườn khuất gió.
- d) Càng vào sâu trong lục địa lượng mưa càng ít.

Đáp án: a,c, d đúng; b sai

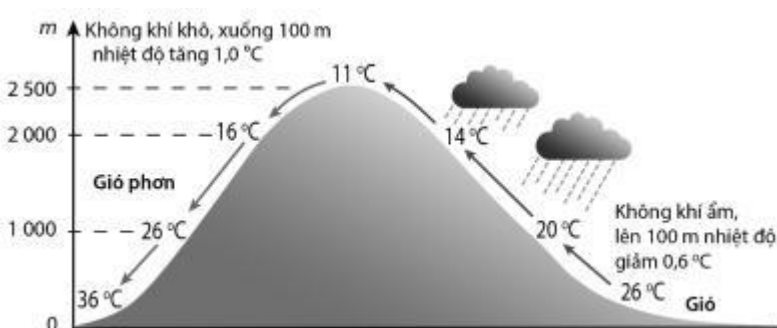
Câu 4. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc (Đơn vị: mm)

Vĩ độ	0°-10°	10°-20°	20°-30°	30°-40°	40°-50°	50°-60°	60°-70°	70°-80°
Lượng mưa trung bình năm	1677	763	513	501	561	510	340	194

- a) Lượng mưa trung bình năm giảm dần từ xích đạo về cực.
- b) Khu vực xích đạo có lượng mưa trung bình năm cao nhất.
- c) Vùng cực có lượng mưa trung bình năm khá nhiều.
- d) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện lượng mưa trung bình năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc.

Câu 5. Cho hình vẽ sau



Quá trình hình thành gió phơn

- a) Gió phơn có thể xuất hiện ở nhiều dạng địa hình khác nhau trên Trái đất.
- b) Ở cùng một độ cao, sườn đón gió có nhiệt độ thấp hơn sườn khuất gió.
- c) Dãy núi có độ cao càng lớn, thì khi xuống núi mức gia tăng nhiệt độ càng nhỏ và càng khô.
- d) Ở Việt Nam, gió phơn xuất hiện vào mùa hạ ở ven biển Trung Bộ là do tác động của gió mùa mùa hạ và dãy núi Trường Sơn.

Câu 6. Đọc đoạn thông tin sau:

“ Gió là sự chuyển động của không khí từ nơi có khí cao cao về nơi có khí áp thấp. Trong khi chuyển động, hướng gió chịu sự tác động của lực Coriolis làm lệch hướng gió. Ở bán cầu Bắc, hướng gió lệch về bên tay phải, ở bán cầu Nam hướng gió lệch về phía bên tay trái so với hướng chuyển động ban đầu.”

- Gió Mậu dịch thổi ở bán cầu Bắc có hướng Đông Bắc.
- Gió Tây ôn đới thổi từ đai áp cao cận chí tuyến về áp thấp xích đạo.
- Gió mùa có hướng thay đổi theo mùa, hướng và tính chất ở hai mùa gió có sự đồng nhất.
- Gió Đông cực xuất phát từ áp cao vùng cực nên có tính chất rất lạnh và khô.

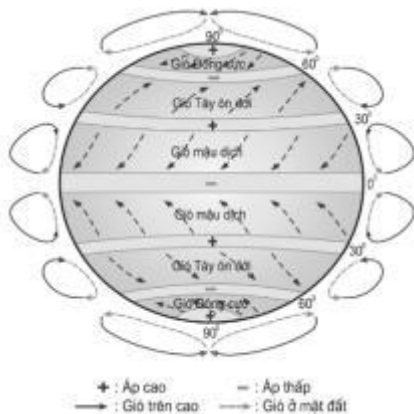
Câu 7. Đọc đoạn thông tin sau

“Bây giờ đầu tháng năm âm lịch và cũng đã bước sang tháng bảy dương lịch, mùa cao điểm của gió Lào. Đạo còn ở quê, nhà vườn mái tôn, ngày có gió Lào thổi ngổi trong nhà mà cứ nghe ràn rạt như mưa bão. Gió mà nóng, lại thổi dập dờn khiến cho con người có cảm giác mình đang ngổi bên một lò quạt lửa của ông thợ rèn làng Hiền Lương. Nhìn ra vườn, những tàu lá chuối rách bươm và cả tre nứa, thứ cây chịu đựng nhất cũng trở nên xác xơ. Và rồi, cho dù đã cửa đóng then cài cẩn thận nhưng ở trong nhà, các loại vật dụng như bàn ghế, tủ giường cũng phủ đầy một lớp bụi. Sờ vào tay, vào cổ mình thấy cứ rít rát, nhám nhám khó chịu thế nào. Mà đâu phải chỉ có ngày một ngày hai, đợt gió Lào có khi kéo dài cả tuần lễ và hơn thế nữa, chưa hết đợt này đã sang đợt khác, cứ thế gió lại chồm lên gió.”

(Nguồn: <https://baothuthienhue.vn/thua-thien-hue-cuoi-tuan/dien-dan/gio-lao-rat-bong-3299.html>)

- Gió Lào là thuật ngữ mà các nhà khí tượng Việt Nam dùng để chỉ gió Foehn (Phon), hiện tượng gió sau khi vượt qua núi trở nên khô và nóng.
- Gió Lào thổi vào nước ta vào mùa hạ và theo hướng Tây Bắc.
- Trong những ngày có gió Lào thường không có mưa và độ ẩm không khí tương đối lớn.
- Nguyên nhân hình thành gió Lào là do bức chắn địa hình của dãy núi Trường Sơn ngăn cách hai nước Việt Nam - Lào.

Câu 8. Cho hình vẽ sau:



CÁC ĐAI KHÍ ÁP CAO VÀ ÁP THẤP TRÊN TRÁI ĐẤT

- Các đai áp thấp trên Trái Đất đều có nguồn gốc nhiệt lực.
- Ở vùng Bắc Cực và Nam Cực, nhiệt độ không khí thấp, sức nén không khí giảm, hình thành các đai áp cao.
- Gió Tây ôn đới ở Nam bán cầu thổi theo hướng Tây Bắc.
- Các đai khí áp cao và các đai khí áp thấp phân bố xen kẽ và đối xứng qua đai áp thấp xích đạo do sự phân bố xen kẽ giữa lục địa và đại dương.

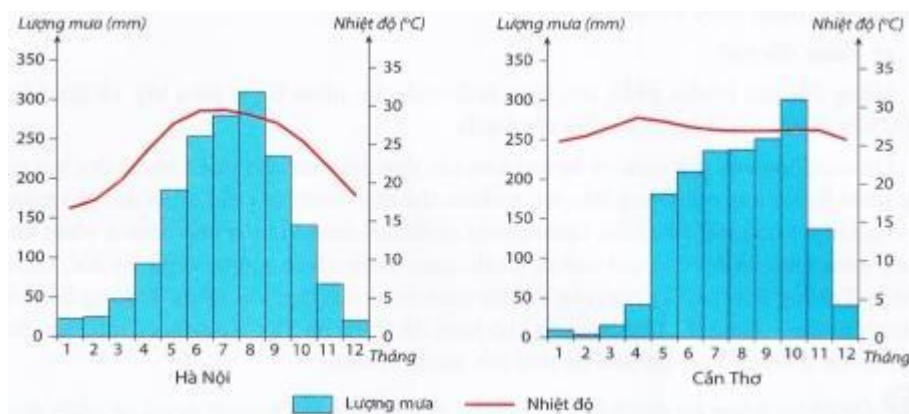
Câu 9. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc (Đơn vị: mm)

Vĩ độ	0°-10°	10°-20°	20°-30°	30°-40°	40°-50°	50°-60°	60°-70°	70°-80°
Lượng mưa trung bình năm	1677	763	513	501	561	510	340	194

- Lượng mưa trung bình năm giảm dần từ xích đạo về cực.
- Khu vực xích đạo có lượng mưa trung bình năm cao nhất.
- Vùng cực có lượng mưa trung bình năm khá nhiều.
- Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện lượng mưa trung bình năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc.

Câu 10. Cho biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội và Cần Thơ:



- a) Hà Nội có biên độ nhiệt nhỏ hơn Cần Thơ.
b) Cần Thơ có mùa khô sâu sắc hơn Hà Nội.
c) Hà Nội có một số tháng nhiệt độ dưới 20°C là do ảnh hưởng của gió Tín phong bán cầu Bắc.
d) Hà Nội có mùa khô ít sâu sắc hơn là do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc vào cuối mùa đông.

DẠNG 3:

Câu 1. Cho biết ở đỉnh núi cao 3000m có độ cao là $2,0^{\circ}\text{C}$ thì trong cùng thời điểm, cùng sườn núi đón gió, nhiệt độ ở chân núi này sẽ là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

Câu 2. Cho biết cùng ở sườn đón gió, ở độ cao 100m là $28,0^{\circ}\text{C}$ thì ở độ cao 2200m nhiệt độ sẽ là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

Cho bảng số liệu, trả lời câu 3 và câu 4:

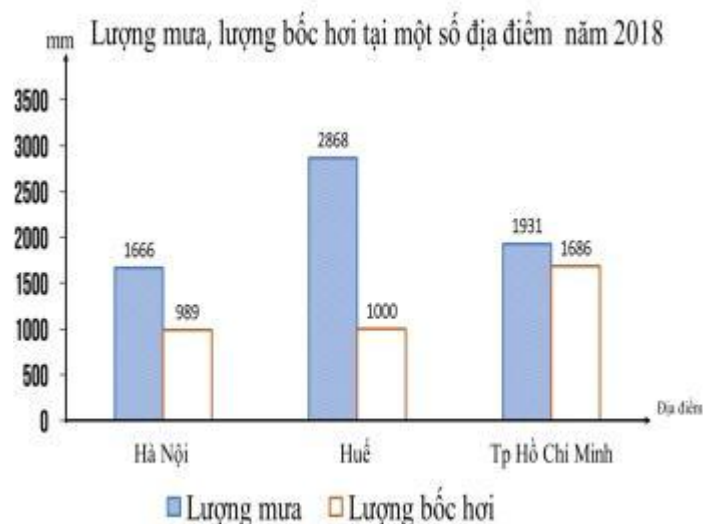
Nhiệt độ trung bình các tháng năm 2021 tại trạm quan trắc Đà Nẵng (Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	20,3	22,3	25,8	27,5	29,6	31,1	30,9	30,8	27,8	26,8	25,1	22,4

Câu 3. Tính nhiệt độ trung bình năm của Đà Nẵng. (làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

Câu 4. Tính biên độ nhiệt độ trung bình năm của Đà Nẵng. (làm tròn kết quả đến một chữ số của phần thập phân).

Câu 5. Cho biểu đồ sau:



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Huế có cân bằng ẩm trị số là bao nhiêu?

Đáp án: 1868

Câu 6. Cho bảng số liệu: Lượng mưa các tháng tại Hà Nội năm 2022 (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	46,8	103,7	47,2	68,7	414,9	296,9	392,5	486,3	242,0	84,4	7,8	13,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của Hà Nội năm 2022. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Câu 7. Tổng lượng mưa của Huế năm 2021 là 3837 mm. Lượng mưa trung bình năm của Huế là bao nhiêu? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Câu 8. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình năm các tháng trong tại Cà Mau, năm 2022 (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	0,1	0,9	105,2	327,0	319,5	225,4	565,0	228,3	409,2	352,7	313,3	71,9

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Tính tổng lượng mưa trong năm tại Cà Mau. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

Câu 9. Đỉnh núi Bạch Mã có độ cao của là 1444m, tại chân núi sườn đón gió có nhiệt độ là 28°C. Vậy nhiệt độ ở đỉnh núi là bao nhiêu °C. Biết rằng cứ lên cao 100m nhiệt độ giảm 0,6°C (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C)

Câu 11. Biết đỉnh núi Phan-xi-păng có độ cao của là 3143m và có nhiệt độ tại đỉnh núi là 15°C. Tính nhiệt độ tại sườn đón gió có độ cao 1000m. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C)

Câu 12. Biết độ cao đỉnh núi Yên Tử là 1068m và đỉnh núi Phu Thà Ca là 2275m. Tại chân núi sườn đón gió của 2 đỉnh núi có nhiệt độ là 23°C. Vậy sự chênh lệch nhiệt độ tại đỉnh núi giữa Yên Tử và đỉnh núi Phu Thà Ca là bao nhiêu °C ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C)

Câu 13. Cho bảng số liệu:

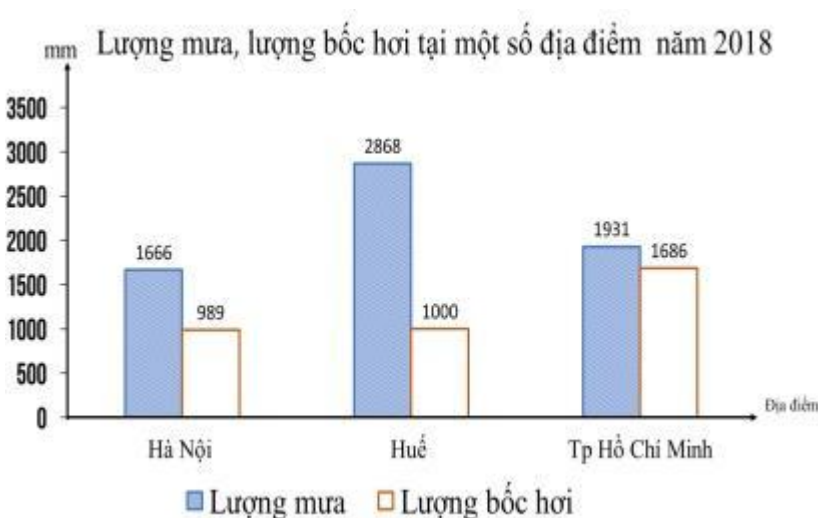
Lượng mưa các tháng năm 2021 tại trạm quan trắc Đà Nẵng (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	34,7	32,1	14,6	24,1	2,1	38,5	12,5	93,5	800,4	782,8	271,0	485,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của Đà Nẵng năm 2021(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

Câu 14. Cho biểu đồ sau



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ vào biểu đồ trên, tính cân bằng độ ẩm của Hà Nội và TP HCM năm 2018?

Câu 15. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình năm các tháng trong tại Cà Mau, năm 2022 (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	0,1	0,9	105,2	327,0	319,5	225,4	565,0	228,3	409,2	352,7	313,3	71,9

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Tính tổng lượng mưa trong năm tại Cà Mau. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

Câu 16. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Hà Nội trên sông Hồng (Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1022	905	853	1004	1578	3469	5891	6245	4399	2909	2024	1285

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Hà Nội trên sông Hồng (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m^3/s).

CHƯƠNG 5 – THUỶ QUYỂN

***DẠNG THỨC 1:**

Câu 1. Thủy quyển là lớp nước trên Trái Đất bao gồm nước ở

- A. biển, đại dương; nước ngầm, băng tuyết; nước sông, suối, hồ.
- B. biển, đại dương; nước trên lục địa, hơi nước trong khí quyển.
- C. sông, suối, hồ; nước ngầm; nước trong các biển và đại dương.
- D. sông, suối, hồ; băng tuyết, nước trong các đại dương, hơi nước.

Câu 2. Vai trò của hồ đầm và thực vật đến chế độ nước sông là

- A. Tăng cường độ tập trung lũ.
- B. điều tiết dòng chảy.
- C. Dễ xảy ra tình trạng lũ chồng lũ.
- D. Chế độ nước sông phức tạp

Câu 3. Hồ kiến tạo là

- A. hình thành tại những nơi lún sụt, nứt vỡ trên mặt đất do các mảng kiến tạo di chuyển.
- B. có nguồn gốc từ hoạt động của núi lửa, hình thành tại miệng núi lửa và khá sâu.
- C. hình thành tại các khúc uốn sông bị tách ra khỏi dòng chính sau khi chuyển dòng
- D. Hồ do con người tạo nên với các mục đích khác nhau

Câu 4. Hồ nhân tạo là

- A. hình thành tại những nơi lún sụt, nứt vỡ trên mặt đất do các mảng kiến tạo di chuyển.
- B. có nguồn gốc từ hoạt động của núi lửa, hình thành tại miệng núi lửa và khá sâu.
- C. hình thành tại các khúc uốn sông bị tách ra khỏi dòng chính sau khi chuyển dòng
- D. Hồ do con người tạo nên với các mục đích khác nhau

Câu 5. Hồ thủy điện, hồ thủy lợi, hồ cảnh quan ... thuộc loại hồ nào

- A. Hồ núi lửa
- B. Hồ nhân tạo
- C. Hồ băng hà
- D. Hồ kiến tạo

Câu 6. Biện pháp nào là quan trọng nhất để bảo vệ nguồn nước ngọt

- A. Sử dụng nguồn nước ngọt một cách hiệu quả, tiết kiệm và tránh lãng phí
- B. Giữ sạch nguồn nước.
- C. Tránh ô nhiễm nguồn nước ngọt.
- D. Phân phối lại nguồn nước ngọt trên thế giới

Câu 7. Ở miền khí hậu nóng, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là

- A. nước ngầm
- B. chế độ mưa.
- C. địa hình.
- D. thực vật.

Câu 8. Ý nghĩa của hồ đầm nối với sông là

- A. điều hòa chế độ nước sông.
- B. làm giảm tốc độ dòng chảy.
- C. giảm lưu lượng mức sông.
- D. điều hòa dòng chảy sông.

Câu 9. Mực nước lũ của các sông ngòi ở miền Trung nước ta thường lên rất nhanh do nguyên nhân nào ?

- A. Sông lớn, lòng sông rộng. Sông có nhiều phụ lưu cung cấp nước cho dòng sông chính.
- B. Sông nhỏ, dốc, nhiều thác ghềnh.
- C. Sông ngắn, dốc, lượng mưa lớn, tập trung trong thời gian ngắn.
- D. Sông lớn, lượng mưa lớn kéo dài trong nhiều ngày.

Câu 10. Ở nước ta, nhân tố tự nhiên có ảnh hưởng rõ rệt nhất tới chế độ nước của sông là

- A. chế độ mưa.
- B. địa hình.
- C. thực vật.
- D. hồ, đầm.

Câu 11. Nguyên nhân chính làm cho sông Mê Công có chế độ nước điều hoà hơn sông Hồng là do

- A. sông Mê Công dài hơn sông Hồng.
- B. sông Mê Công đổ ra biển bằng chín cửa.
- C. Biển Hồ giúp điều hoà nước sông Mê Công.
- D. thủy điện Hoà Bình làm sông Hồng chảy thất thường.

Câu 12. Ngày Nước Thế giới hàng năm là

- A. 21/1.
- B. 22/3.
- C. 23/3.
- D. 24/4.

Câu 13. Trong thủy quyển, nước biển và đại dương chiếm

- A. 90% tổng lượng nước.
- B. 95% tổng lượng nước.
- C. 97,5% tổng lượng nước.
- D. 99% tổng lượng nước.

Câu 14. Độ muối trung bình của nước biển là

- A. 36‰
- B. 37‰
- C. 38‰
- D. 35‰

Câu 15. Vùng nào có độ muối cao nhất?

- A. Xích đạo B. Cực C. Ôn đới D. Chí tuyến

Câu 16. Độ muối thay đổi theo

- A. Kinh độ B. Sinh vật C. Độ sâu D. Độ cao

Câu 17. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là do

- A. mưa. B. núi lửa C. động đất. D. gió.

Câu 18. Nguyên nhân gây ra sóng thần chủ yếu là do

- A. gió. B. bão. C. động đất, núi lửa. D. lốc xoáy

Câu 19. Trong mỗi tháng âm lịch, dao động thủy triều lớn nhất ở trong trường hợp Mặt Trăng, Mặt Trời, Trái Đất nằm

- A. vuông góc với nhau. B. thẳng hàng với nhau.
C. lệch nhau góc 45 độ. D. lệch nhau góc 60 độ.

Câu 20. Sóng biển là

- A. hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng.
B. sự chuyển động của nước biển từ ngoài khơi xô vào bờ.
C. hình thức dao động của nước biển theo chiều ngang.
D. sự di chuyển của các biển theo các hướng khác nhau

Câu 21. Sử dụng thủy triều **không** nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Nuôi trồng thủy sản. B. Sản xuất điện năng.
C. Giảm thiểu hạn hán. D. Giao thông vận tải.

Câu 22. Khi Mặt Trời, Mặt Trăng, Trái Đất nằm thẳng hàng thì dao động thủy triều

- A. không đáng kể. B. nhỏ nhất. C. trung bình. D. lớn nhất.

Câu 23. Điều **không** phải là ý đúng khi nói về vai trò của biển và đại dương đối với sự phát triển kinh tế?

- A. Cung cấp nguồn tài nguyên quý giá: sinh vật, khoáng sản biển.
B. Cung cấp các nguồn năng lượng từ biển: sóng biển, thủy triều.
C. Thuận lợi cho phát triển các ngành kinh tế biển
D. Điều hoà khí hậu, bảo đảm sự đa dạng sinh học.

Câu 24. Càng xuống sâu, nhiệt độ nước biển càng

- A. thấp. B. cao. C. tăng. D. không thay đổi.

Câu 25. Phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi nhiệt độ nước biển theo thời gian?

- A. Mùa đông có nhiệt độ cao hơn mùa thu.
B. Ban ngày có nhiệt độ thấp hơn ban đêm.
C. Ban trưa có nhiệt độ thấp hơn ban chiều.
D. Mùa hạ có nhiệt độ cao hơn mùa đông.

***DẠNG THỨC 2:**

Câu 1. Cho thông tin sau:

“ Sông được cấp nước từ 2 nguồn chính. Nguồn nước ngầm là nguồn cấp nước ít biến động, có vai trò điều tiết nước trong năm; nước trên mặt (nước mưa, băng tuyết tan) là nguồn cấp có biến động rõ rệt theo mùa. Chế độ nước sông phụ thuộc chủ yếu vào chế độ mưa hay băng tuyết tan.”

(Nguồn: SGK -Kết nối tri thức với cuộc sống tr37 -NXBGD).

- a) Nguồn cấp nước chính cho sông là nước mưa và băng tuyết tan.
b) Nước ngầm, nước mưa là nhân tố quyết định tới chế độ nước sông.
c) Nguồn cấp nước ít biến động nhất là nước ngầm.
d) Nguồn cấp nước luôn biến động theo mùa là nước mưa và băng tuyết tan.

Câu 2. Chế độ nhiệt của nước biển điều hoà hơn chế độ nhiệt của không khí. Nhiệt độ trung bình bề mặt toàn bộ đại dương thế giới là khoảng 17°C. Nhiệt độ nước biển thay đổi theo mùa trong năm, mùa hạ cao hơn mùa đông. Nhiệt độ nước biển giảm dần từ Xích đạo về 2 cực. Nhiệt độ nước biển cũng thay đổi theo độ sâu.

(Nguồn: SGK -Kết nối tri thức với cuộc sống tr.41 -NXBGD).

- a) Tuỳ vào độ sâu dưới đại dương mà mực nước biển cũng thay đổi.
b) Nhiệt độ nước biển đạt mức cao vào mùa đông.
c) Từ xích đạo về 2 cực, nhiệt độ nước biển tăng dần.
d) 17°C là nhiệt độ trung bình của đại dương thế giới.

Câu 3. Trong các câu sau, câu nào đúng, câu nào sai?

- a) Sông được cấp nước từ hai nguồn chính: nước mưa và nước băng tuyết tan.
- b) Chế độ nước sông đơn giản hay phức tạp là do số lượng nguồn cấp quyết định.
- c) Hồ đầm và thực vật có tác dụng điều tiết dòng chảy.
- d) Sông có nhiều phụ lưu, nước lũ thoát nhanh, chế độ nước sông bớt phức tạp hơn

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau

“Biển, đại dương có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; là nơi cung cấp tài nguyên sinh vật, tài nguyên khoáng sản, nguồn năng lượng; có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành hàng hải, du lịch; là môi trường sống có nhiều tác động tích cực đối với sức khỏe con người”.

- a) Khoáng sản quý giá do biển mang lại là dầu khí.
- b) Biển và đại dương cho phép phát triển ngành đánh bắt, nuôi trồng hải sản.
- c) Về mặt môi trường biển và đại dương giúp điều hoà khí hậu.
- d) Năng lượng tái tạo từ biển là mặt trời và địa nhiệt.

*** DẠNG THỨC 3:**

Câu 1: Cho bảng số liệu: Lưu lượng nước trung bình tháng của sông hồng tại trạm Hà Nội

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1455	1343	1215	1522	2403	4214	7300	7266	5181	3507	2240	1517

Dựa vào bảng số liệu trả lời câu hỏi 1 và 2.

Tính lưu lượng nước trung bình tháng trong năm của sông Hồng?(làm tròn số đến hàng đơn vị)

Câu 2: Lưu lượng nước của tháng cao nhất chiếm tỷ trọng bao nhiêu so với tổng lưu lượng nước cả năm? (làm tròn đến số thập phân thứ nhất)

Câu 3: Độ muối trung bình của nước biển là 35‰, nghĩa là trong 1 lít nước biển chứa bao nhiêu gam muối biển?

Câu 4. Cho bảng số liệu sau: Lưu lượng nước của sông Hồng vào các tháng trong năm ở Sơn Tây.

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1.318	1.100	914	1.071	1.893	4.692	7.986	9.246	6.690	4.122	2.813	1.746

Tính lưu lượng nước trung bình của sông Hồng vào các tháng trong năm ở Sơn Tây. (làm tròn đến chữ số hàng đơn vị)

Câu 5. Cho bảng số liệu

Lưu lượng dòng chảy tại trạm Đồng Tâm trên sông Gianh (Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	27,7	19,3	17,5	10,7	28,7	36,7	40,6	58,4	185,0	178,0	94,1	43,7

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Đồng Tâm trên sông Gianh (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³/s)

Câu 7. Cho bảng số liệu: Lượng mưa các tháng tại Hà Nội năm 2022 (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	46,8	103,7	47,2	68,7	414,9	296,9	392,5	486,3	242,0	84,4	7,8	13,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của Hà Nội năm 2022. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Câu 8. Cho bảng số liệu: Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Yên Thượng trên sông Cả

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	215	169	150	147	275	419	560	918	1358	1119	561	295

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Yên Thượng trên sông Cả (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³/s).

CHƯƠNG 6 – SINH QUYỀN

DẠNG 1:

Câu 1. Đặc trưng cơ bản của đất là

- A. tơi xốp. B. độ phì. C. độ ẩm. D. vụn bờ.

Câu 3. Đất là lớp vật chất

- A. tơi xốp ở bề mặt lục địa. B. rắn ở bề mặt vỏ trái đất.
C. rắn ở bề mặt lục địa. D. vụn ở bề mặt vỏ trái đất.

Câu 9. Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần vô cơ cho đất?

- A. Khí hậu. B. Sinh vật. C. Địa hình. D. Đá mẹ.

Câu 10. Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần hữu cơ cho đất?

- A. Khí hậu. B. Sinh vật. C. Địa hình. D. Đá mẹ.

Câu 15. Vai trò quan trọng của vi sinh vật trong việc hình thành đất là

- A. cung cấp vật chất hữu cơ B. góp phần làm phá hủy đá
C. hạn chế xói mòn, rửa trôi D. phân giải, tổng hợp chất mùn.

Câu 18: Nhân tố nào không tham gia vào quá trình hình thành đất tự nhiên nhưng có vai trò rất quan trọng làm biến đổi đất?

- A. Khí hậu B. con người C. Đá mẹ D. Sinh vật

Câu 21. Căn cứ vào các yếu tố nào sau đây để phân biệt đất với đá?

- A. Độ ẩm. B. độ rắn. C. Độ phì. D. Nhiệt độ.

Câu 23: Ở vùng núi cao, nhiệt độ thấp nên

- A. quá trình phá hủy đá xảy ra chậm, làm cho quá trình hình thành đất yếu.
B. quá trình phá hủy đá xảy ra nhanh, lớp đất phủ dày.
C. quá trình phá hủy đá không diễn ra được, không có lớp đất phủ lên bề mặt.
D. đá bị phá hủy rất nhanh, lớp đất phủ trên bề mặt rất dày.

Câu 43. Tác động nào sau đây **không** phải là tác động tích cực của con người đến sự hình thành đất?

- A. Thau chua, rửa mặn. B. Bón phân, cải tạo đất. C. Đốt rừng làm rẫy. D. Trồng rừng.

Câu 46. Nguyên nhân do đâu mà các tỉnh miền núi phía Bắc của nước ta thường bị lũ quét?

- A. Địa hình dốc, dễ xói mòn, mất lớp phủ thực vật.
B. Địa hình thấp, trũng, có nhiều sông lớn.
C. Địa hình dốc, tầng đất mỏng, ít chất dinh dưỡng.
D. Địa hình thấp, đất phù sa màu mỡ.

Câu 1. Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có

- A. sự sống tồn tại B. tất cả sinh vật, thổ nhưỡng.
C. thực, động vật, vi sinh vật. D. toàn bộ thực sinh vật sống.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây đúng với ảnh hưởng của đất tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Mỗi loài cây thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định.
B. Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hóa, độ phì của đất.
C. Sinh vật phát triển tốt trong môi trường tốt về nhiệt ẩm.
D. Cây xanh nhờ ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của sinh vật trong sự phát triển và phân bố sinh vật?

- A. Động vật có quan hệ với thực vật về nơi cư trú và nguồn thức ăn.
B. Nhiều loại động vật ăn thực vật lại là thức ăn của động vật ăn thịt.
C. Nơi nào có nguồn thức ăn phong phú thì tập trung nhiều loài, tính đa dạng sinh học cao.
D. Ở nơi nào động vật phong phú thì thực vật không được phát triển.

Câu 19. Ảnh hưởng tích cực của con người đối với phân bố sinh vật **không** phải là

- A. giảm diện tích rừng tự nhiên, mất nơi ở động vật.
B. thay đổi phạm vi phân bố của nhiều loại cây trồng.
C. đưa động vật nuôi từ lục địa này sang lục địa khác.
D. trồng rừng, mở rộng diện tích rừng ở toàn thế giới.

Câu 27: Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bần chỉ phát triển và phân bố trên loại đất nào ?

- A. Đất phù sa ngọt. B. Đất feralit đồi núi
C. Đất chua phèn D. Đất ngập mặn.

Câu 32. Nhân tố quyết định đến sự phân bố của sinh vật là

- A. địa hình. B. nguồn nước. C. khí hậu. D. đất.

Câu 39. Nhân tố quyết định đến sự phân bố của các vành đai thực vật theo độ cao là

- A. đất. B. Nguồn nước. C. khí hậu. D. con người.

DẠNG 2:

Câu 1. Cho thông tin sau:

Đất là lớp vật chất mỏng bao phủ bề mặt các lục địa và đảo, được tạo thành do quá trình phong hoá các loại đá. Đất được cấu tạo bởi các thành phần chính bao gồm chất khoáng, chất hữu cơ, không khí và nước. Đặc trưng cơ bản của đất là độ phì. Độ phì là khả năng đất cung cấp nước, các chất dinh dưỡng và các yếu tố khác (như nhiệt độ, không khí,...), thực vật sinh trưởng và phát triển.

- a) Đất là một thành phần cấu tạo nên vỏ Trái Đất.
- b) Đất là tư liệu sản xuất không thể thay thế của nông nghiệp.
- c) Thành phần cấu tạo nên đất chủ yếu là nước.
- d) Đặc trưng cơ bản nhất của đất là chất khoáng.

Câu 2. Cho đoạn thông tin sau

“Để tránh nóng, động vật thường nấp vào bóng râm, vui thân vào cát sâu, chui xuống hang, leo lên cây cao,... Để tránh lạnh, động vật ẩn mình trong các hốc cây sống qua mùa lạnh, một số loài thay đổi chỗ ở theo mùa. Động vật ở xứ lạnh thường có lông dày, ở xứ nóng có ít lông”.

- a) Mỗi loài sinh vật thích nghi với giới hạn nhiệt độ nhất định.
- b) Khí hậu ảnh hưởng đến sinh vật qua nhiệt độ và ánh sáng.
- c) Đối với động vật ánh sáng ảnh hưởng không đáng kể đến sự phát triển.
- d) Động vật đa dạng do khí hậu phân hoá đa dạng.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đất là lớp vật chất mỏng bao phủ bề mặt các lục địa và đảo, được tạo thành do quá trình phong hoá các loại đá. Đất được cấu tạo bởi các thành phần chính bao gồm chất khoáng, chất hữu cơ, không khí và nước. Đặc trưng cơ bản của đất là độ phì. Độ phì là khả năng đất cung cấp nước, các chất dinh dưỡng và các yếu tố khác (như nhiệt độ, không khí,...), thực vật sinh trưởng và phát triển.

- a) Đất là một thành phần cấu tạo nên vỏ Trái Đất.
- b) Độ phì là yếu tố cơ bản để phân biệt đất với các vật thể tự nhiên khác.
- c) Tính chất lí hoá của đất được quyết định bởi yếu tố khí hậu
- d) Đặc trưng cơ bản nhất của đất là chất khoáng.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Để tránh nóng, động vật thường nấp vào bóng râm, vui thân vào cát sâu, chui xuống hang, leo lên cây cao,... Để tránh lạnh, động vật ẩn mình trong các hốc cây sống qua mùa lạnh, một số loài thay đổi chỗ ở theo mùa. Động vật ở xứ lạnh thường có lông dày, ở xứ nóng có ít lông.

- a) Mỗi loài sinh vật thích nghi với giới hạn nhiệt độ nhất định.
- b) Khí hậu ảnh hưởng đến sinh vật qua nhiệt độ và ánh sáng.
- c) Đối với động vật ánh sáng ảnh hưởng không đáng kể đến sự phát triển.
- d) Động vật đa dạng do khí hậu phân hoá đa dạng.

DẠNG 3:

Câu 1. Biết tổng diện tích rừng của nước ta năm 2021 là 14,7 triệu ha, diện tích rừng tự nhiên là 10,1 triệu ha. Hãy cho biết tỉ lệ diện tích rừng tự nhiên trong tổng diện tích rừng cả nước là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %)

Câu 2. Năm 2019, diện tích tự nhiên của Đà Nẵng là 128.422 ha. Diện tích rừng của Đà Nẵng là 34.830 ha. Tính tỉ lệ che phủ rừng của Đà Nẵng năm 2019 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

Diện tích đất tự nhiên của Việt Nam năm 2022 (Đơn vị: hecta)

Loại đất	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
Diện tích	28.002.574	3.961.324	1.170.584

(Nguồn: Quyết định số 3048/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2023) của Bộ Tài Nguyên và Môi trường)

Tính tỉ trọng đất nông nghiệp so với tổng diện tích đất tự nhiên của cả nước năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Câu 4. Năm 2019, diện tích tự nhiên của Quảng Ninh là 618.338 ha. Diện tích rừng của Quảng Ninh là 243.445 ha. Tính tỉ lệ che phủ rừng của Quảng Ninh năm 2019 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

Câu 6. Biết rằng bản đồ thực vật và động vật nước ta có tỉ lệ là 1: 6000 000 . Hãy cho biết 1cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa?

Câu 8. Năm 2021, diện tích nhóm đất nông nghiệp nước ta là 27.994.319 ha. Trong đó diện tích đất trồng lúa là hơn 3,9 triệu ha. Hãy tính tỉ lệ diện tích lúa nước ta năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng hàng thập phân thứ nhất của %).

